TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 659/2018/HNGĐ-PT
Ngày 04-7-2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Khắc Vương.

Bà Trần Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Cảm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 6 năm 2018 và ngày 04 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2018/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 263/2018/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2385/2018/QĐ-PT ngày 28 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Hồng Y, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 49/4 Đường M, Khu phố B, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn V, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 39/5/22/11 Đường H, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Bị đơn - ông Nguyễn V.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Bản án sơ thẩm như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2017 và tài liệu chứng cứ kèm theo, nguyên đơn là bà Đỗ Hồng Y trình bày:

Bà và ông Nguyễn V tự nguyện chung sống, kết hôn vào năm 2012, giấy chứng nhận kết hôn số 55/2012, ngày 17/05/2012 do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Cuộc sống hôn nhân thời gian đầu có hạnh phúc, về sau thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không cùng quan điểm sống, hai bên đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian ly thân hai bên không có thiện chí hàn gắn gia đình, nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà và ông V có người con chung là Nguyễn Nhất P, sinh ngày 13/01/2013 (giới tính nam). Bà có công việc ổn định, thu nhập mỗi tháng lương cơ bản là 12.000.000 đồng, giờ giấc làm việc hành chính, mỗi tuần bà nghỉ hai ngày nên bà có đủ điều kiện chăm sóc con. Từ khi ly thân đến nay ông V không cho bà thăm con. Do đó bà yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Nguyễn V trình bày:

Việc chung sống và tạo lập cuộc sống chung vợ chồng đúng như bà Y trình bày, hai bên có người con chung như bà Y trình bày. Ông đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng đã không còn, ông yêu cầu được nuôi con chung, do ông là người nuôi dưỡng con chung từ lúc bà Y về nhà cha mẹ sống (hơn năm nay), không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con. Ông hiện có công việc ổn định, thu nhập mỗi tháng là 8.000.000 đồng, nên ông có đủ điều kiện chăm sóc con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Y và ông V giữ nguyên yêu cầu và ý kiến đã trình bày.

Tại bản án sơ thẩm số 263/2018/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng Điều 21, Khoản 2 Điều 29, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 184, Điều 227 và Khoản 1 Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử :

1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đỗ Hồng Y, sinh năm 1991 và ông Nguyễn V, sinh năm 1986.

2. Về con chung : Giao trẻ Nguyễn Nhất P, sinh ngày 13 tháng 01 năm 2013 cho bà Đỗ Hồng Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Hồng Y không yêu cầu ông Nguyễn V cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn V được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung . Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Bà Đỗ Hồng Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0037266 ngày 13/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Y đã nộp đủ án phí.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo luật định.

Ngày 03/4/2018, bị đơn là ông Nguyễn V kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn là bà Đỗ Hồng Y trình bày:

Bà hiện đang có việc làm ổn định tại Công ty TNHH G, thời gian làm việc giờ hành chánh, lương mỗi tháng là 12.000.000 đồng, ngoài ra còn có thu nhập khác từ công ty. Bà có nơi ở ổn định tại nhà cha mẹ ruột của bà tại quận T. Sau khi ly thân bà về nhà cha mẹ ruột ở, do không muốn ông V gây phiền hà cho bà nên bà để con chung lại cho ông V trực tiếp nuôi nhưng sau đó bà đến thăm con hoặc mang con về nhà cha mẹ bà chơi thì ông V luôn làm khó bà và không muốn bà gặp con. Bà cho rằng bà đủ điều kiện nuôi con nên yêu cầu được y án sơ thẩm.

Bị đơn là ông Nguyễn V trình bày:

Ông cho biết cuộc sống giữa ông và bà Y không còn hạnh phúc, hai bên ly thân bà Y về nhà cha mẹ ruột sống, ông ở lại nuôi con chung, bà Y đến thăm con ông luôn tạo điều kiện, những lúc ông bận đi làm thì bà Y đến trường đón con. Ông có công việc ổn định làm việc tại Công ty TNHH D, lương và các khoản phụ cấp khác mỗi tháng là khoảng 8.000.000 đồng, do ông làm việc tại bộ phận giao hàng của công ty nên đôi lúc ông phải giao hàng ngoài giờ nếu có khách yêu cầu, những lúc như vậy ông nhờ mẹ ông trông con giúp, hiện trẻ P đã quen ở với ông nên ông yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm về việc nuôi con chung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu trình bày ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận T đưa vụ án ra xét xử ngày 29/3/2018, ngày 03/4/2017 ông Nguyễn V kháng cáo. Căn cứ Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự kháng cáo trong hạn luật định.

Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét kháng cáo của ông V yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm về việc nuôi dưỡng con chung, ông yêu cầu được nuôi con chung là trẻ P, không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con. Ông V và bà Y cả hai bên đương sự đều có điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc con, nhưng về việc làm, thu nhập và thời gian để nuôi con chung thì bà Y có điều kiện hơn và trẻ P còn nhỏ nên cần giao cho mẹ nuôi. Vì vậy không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông V, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Nguyễn V làm trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xem xét.

Về nội dung kháng cáo:

Ông Nguyễn V kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu được nuôi con chung là trẻ Nguyễn Nhất P, sinh ngày 13/01/2013, giới tính: Nam và không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét:

Việc chăm sóc, nuôi dạy con chung chưa thành niên là trách nhiệm và nghĩa vụ cũng là quyền lợi của cha mẹ, việc các bên đương sự tranh chấp nuôi con chung sau khi ly hôn cũng là xuất phát từ tình thương yêu của cha mẹ đối với con cái, nhưng giao cho ai là người trực tiếp nuôi dạy con chung thì phải xem xét đến quyền lợi và nguyện vọng của trẻ để trẻ phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành công dân có ích cho xã hội.

Tại phiên tòa phúc thẩm và chứng cứ có tại hồ sơ vụ án cho thấy các bên đương sự đều có công việc, thu nhập và nơi ở ổn định.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông V không có cung cấp chứng cứ nào khác ngoài các chứng cứ đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào công việc, thu nhập và thời gian làm việc của hai bên đương sự để quyết định quyền nuôi con chung.

Bà Y cho rằng khi ly thân bà về nhà cha mẹ ruột sống, bà không mang con đi cùng là do bà sợ ông V làm phiền đến bà nhưng khi đến thăm con và mang con đi chơi thì ông V gây khó khăn cho bà nên bà yêu cầu ly hôn và được quyền nuôi con chung. Trẻ P sinh ngày 13/01/2013, hiện trẻ còn quá nhỏ cần có sự quan tâm, chăm sóc và tình yêu thương của người mẹ dành cho con. Xét về mọi mặt thu nhập và thời gian thì bà Y có điều kiện chăm sóc con tốt hơn so với ông V, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giao con chung cho bà Y nuôi là phù hợp.

Các phần khác của bản án sơ thẩm đương sự không kháng cáo, Viện Kiểm sát không kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Với những chứng cứ kể trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn V do không có cơ sở.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bà Y phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận đơn kháng cáo của ông V nên ông V phải chịu toàn bộ án phí phúc thẩm.

Với những chứng cứ kể trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 2 Điều 478 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Giữ nguyên bản án sơ thẩm

1. *Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Đỗ Hồng Y và ông Nguyễn V thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông V chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực thi hành. Giấy chứng nhận kết hôn

số 55/2012 ngày 17/5/2012 do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị.

2. *Về con chung:*

Giao con chung là trẻ Nguyễn Nhất P, sinh ngày 13/01/2013 (giới tính nam) cho bà Đỗ Hồng Y trực tiếp nuôi dạy, ông Nguyễn V không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Đỗ Hồng Y không yêu cầu.

Ông Nguyễn V có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Bà Đỗ Hồng Y có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Nguyễn V, nếu ông Nguyễn V lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan Quản lý nhà nước về Gia đình; Cơ quan Quản lý nhà nước về Trẻ em; Hội Liên hiệp Phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:*

Hai bên đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:*

4.1/ *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Bà Đỗ Hồng Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Đỗ Hồng Y đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0037266 ngày 13/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đỗ Hồng Y đã nộp đủ án phí.

4.2/ *Án phí phúc thẩm:*

Ông Nguyễn V phải nộp án phí nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Nguyễn V đã tạm ứng là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0038578 ngày 09/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn V đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- UBND phường T. quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Mỹ Hạnh